

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/KDTM-ST  
Ngày 24/10/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Trần Duyên Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Ngọc Đông.
- Ông Nguyễn Ron.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Quang Trí là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thanh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P, trụ sở tại: Số nhà B, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê V, ông Lê Văn T là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc). Ông Lê Văn L, bà Võ Thị Ngọc T1, nơi làm việc: Xí nghiệp 380 – Chi nhánh Công ty Cổ phần P, khu phố E, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (các Giấy ủy quyền số 136/GUQ-PT và số 138/GUQ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2024). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X, trụ sở Văn phòng giao dịch tại: Tầng C, Tòa nhà F, ngõ E, đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Tiến D là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông Trần Văn H, ông Nguyễn Hải T2,

nơi làm việc: Tầng C, Tòa nhà F, ngõ E, đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 14/GUQ-CT ngày 26 tháng 8 năm 2024). Ông T2 có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2024, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần P (sau đây viết tắt là Công ty P) là ông Lê Văn L, bà Võ Thị Ngọc T1 trình bày:

Xí nghiệp C – Chi nhánh Công ty P (Bên bán) Công ty Cổ phần X (Bên mua) (sau đây viết tắt là Công ty X) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa sau đây:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 26/8/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 28/9/2017;

- Hợp đồng mua bán hàng hóa 2009/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 20/9/2017;

- Hợp đồng mua bán hàng hóa 1810/2017/HĐMB/LUXCITY/FAROS-380PT ngày 18/10/2017.

Hàng hóa là các sản phẩm đá granite, đá bó vĩa, đá cắt quy cách lát nền. Xí nghiệp 380 đã giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty X theo đúng số lượng, mẫu mã, quy cách, chủng loại theo các hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng nêu trên; đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán và xuất hóa đơn tài chính cho Công ty X từ năm 2018. Tuy nhiên, Công ty X còn nợ Xí nghiệp 380 số tiền là 3.324.050.195 đồng, 02 bên đã xác nhận công nợ gần nhất vào ngày 30-6-2022. Nay Công ty P yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho Công ty P số tiền còn nợ là 3.324.050.195 đồng.

\* Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 01 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần X là ông Trần Văn H, ông Nguyễn Hải T2 trình bày:

Công ty X và Công ty P đã ký kết và thực hiện các hợp đồng sau: Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 26/8/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 28/9/2017; Hợp đồng mua bán hàng hóa 2009/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 20/9/2017; Hợp đồng mua bán hàng hóa 1810/2017/HĐMB/LUXCITY/FAROS-380PT ngày 18/10/2017. Qua đối chiếu công nợ tại bộ phận kế toán, phần mềm kế toán ghi nhận Công ty X chưa thanh toán cho Công ty P tổng 03 hợp đồng có số tiền là 3.324.050.195 đồng. Công ty X không có ý kiến đối với khoản công nợ nêu trên.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:



Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 24, 50, 55 của Luật Thương mại đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

- Buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty P số tiền 3.324.050.195 đồng.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho Công ty P số tiền còn nợ theo các hợp đồng mua bán hàng hóa là 3.324.050.195 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Giữa Công ty X (Bên mua) và Xí nghiệp C – Chi nhánh Công ty P (Bên bán) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa với hàng hóa là các sản phẩm đá granite, đá bó vữa, đá cắt quy cách lát nền, gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 26/8/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa 2608/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 28/9/2017; Hợp đồng mua bán hàng hóa 2009/2017/HĐMB/QUYNHON/FAROS-380PT ngày 20/9/2017; Hợp đồng mua bán hàng hóa 1810/2017/HĐMB/LUXCITY/FAROS-380PT ngày 18/10/2017. Các hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên có tư cách pháp nhân, người đại diện hợp pháp có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi theo quy định của pháp luật dân sự. Các điều khoản thỏa thuận về nội dung cũng như về hình thức của hợp đồng này phù hợp với quy định tại các Điều 117, 119, 398, 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24 của Luật Thương mại. Do đó, các hợp đồng mua bán hàng hóa đó có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, Xí nghiệp C – Chi nhánh Công ty P đã giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty X theo đúng số lượng, mẫu mã, quy cách, chủng loại, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán và xuất hóa đơn tài chính cho Công ty X từ năm 2018; 02 bên đã xác nhận công nợ gần nhất vào ngày 30-6-2022 với tiền hàng mà Công ty X còn nợ Công ty P là 3.324.050.195 đồng. Người đại diện hợp pháp của Công ty X cũng thừa nhận khoản công nợ này nhưng xin có thời hạn để Công ty T3 nguồn thanh toán nợ vì tình hình tài chính của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn. Người đại diện hợp pháp của

**Công ty P** không chấp nhận gia hạn và yêu cầu thanh toán một lần. Do đó, **Công ty X** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty P** số tiền 3.324.050.195 đồng là phù hợp với cam kết giữa các bên tại các hợp đồng mua bán hàng hóa, các Điều 410, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 50, 55 của Luật Thương mại.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, **Công ty X** phải chịu 98.481.003 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho **Công ty P**.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị giải quyết vụ án cơ bản là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 117, 119, 398, 410, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 24, 50, 55 của Luật Thương mại;
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P.**

Buộc **Công ty Cổ phần X** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần P** tiền hàng còn nợ là 3.324.050.195 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

**2.1. Công ty Cổ phần X** phải chịu 98.481.003 đồng.

**2.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần P** tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.240.501 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**3.** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trần Duyên Anh**